TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **66**/2018/DS-ST
Ngày: 26-4-2018
V/v: Tranh chấp giao dịch dân sự về hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Duy Linh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thị Đúng**

2. Bà **Nguyễn Thị Vạn**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Lê Hoàng** – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:*** Ông **Lê Trung Kiên** – Kiểm sát viên.

Vào các ngày 24 tháng 4 năm 2018 và ngày 26 tháng 4 năm 2018 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 196/2017/TLST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2017 về việc "Tranh chấp về giao dịch về hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2018/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2018/QĐST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Xi L, sinh năm 1969;

Địa chỉ: A3/31G ấp 1, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị L1, sinh năm 1964;

Địa chỉ: 3B56/3 ấp 3, xã C, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1993;

Địa chỉ: E8/3 đường D, thị trấn E, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Cảnh H, sinh năm 1961;

Địa chỉ: A3/31G ấp 1, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà L, ông Đ, ông H có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/4/2017, bản tự khai ngày 12/5/2017, các bản tự khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xi L trình bày:

Bà là chủ hụi, bà Lê Thị L1 là thành viên tham gia chơi hụi.

Từ ngày 13/11/2015 bà Lê Thị L1 có tham gia một số dây hụi do bà làm chủ, gồm 05 dây hụi tháng và 01 dây hụi ngày, cụ thể như sau:

- Dây thứ I: hụi tháng, mở hụi ngày 13/11/2015 âm lịch (tức ngày 23/12/2015 dương lịch) gồm 14 thành viên, giá 3.000.000 đồng/tháng/thành viên. Ngày 13/01/2016 bà L1 bỏ hụi 750.000 đồng, tổng số tiền bà L1 được hốt là 29.250.000 đồng. Số tiền này đã giao đủ cho bà L1. Bà L1 đóng hụi chết đến ngày 13/7/2016 thì không tiếp tục đóng và thiếu lại tiền hụi chết của 05 tháng.

- Dây thứ II: hụi tháng, mở hụi ngày 19/01/2016 âm lịch (tức ngày 26/02/2016 dương lịch) gồm 12 thành viên, giá 2.000.000 đồng/tháng/thành viên. Ngày 19/02/2016 âm lịch bà L1 bỏ hụi 500.000 đồng, tổng số tiền bà L1 được hốt là 16.500.000 đồng. Số tiền này đã giao đủ cho bà L1. Bà L1 đóng hụi chết đến ngày 19/7/2016 thì không tiếp tục đóng và thiếu lại tiền hụi chết của 05 tháng.

- Dây thứ III: hụi tháng, mở hụi ngày 19/01/2016 âm lịch (tức ngày 26/02/2016 dương lịch), gồm 12 thành viên, giá 2.000.000 đồng/tháng/thành viên. Ngày 19/3/2016 bà L1 bỏ hụi 550.000 đồng, tổng số tiền bà L1 được hốt là 16.050.000 đồng. Số tiền này đã giao đủ cho bà L1. Bà L1 đóng hụi chết đến ngày 19/6/2016 thì không tiếp tục đóng và thiếu lại tiền hụi chết của 06 tháng.

- Dây thứ IV: hụi tháng, mở hụi ngày 19/01/2016 âm lịch (tức ngày 26/02/2016), gồm 12 thành viên, giá 1.000.000 đồng/tháng/thành viên. Ngày 19/01/2016 bà L1 bỏ hụi 300.000 đồng. Tổng số tiền bà L1 được hốt là 7.200.000 đồng. Số tiền này đã giao đủ cho bà L1. Bà L1 đóng hụi chết đến ngày 19/7/2016 thì không tiếp tục đóng và thiếu lại tiền hụi chết của 05 tháng.

- Dây thứ V: hụi tháng, mở hụi ngày 30/5/2016 (dương lịch) gồm 16 thành viên, giá 2.000.000 đồng/tháng/thành viên. Ngày 30/5/2016 bà L1 bỏ hụi

600.000 đồng, tổng số tiền bà L1 được hốt là 20.000.000 đồng. Số tiền này đã giao đủ cho bà L1. Bà L1 đóng hụi chết đến ngày 30/7/2016 thì không tiếp tục đóng và thiếu lại tiền hụi chết của 13 tháng.

- Dây thứ VI: hụi ngày, mở hụi ngày 13/9/2016 gồm 31 thành viên hụi giá 100.000 đồng/ngày/thành viên. Ngày 13/9/2016 bà L1 hốt 02 phần được 5.800.000 đồng, số tiền hụi chết bà L1 phải đóng là 7.000.000 đồng. Số tiền này bà L1 đã đóng được 340.000 đồng còn nợ 6.660.000 đồng.

Ngoài ra, có những tháng bà L1 không đóng hụi chết, bà ứng trước tiền để giao hụi cho người được hốt. Những khoản tiền đó bà L1 có ghi giấy nợ cho bà.

Sau đó bà và bà L1 có chốt lại số tiền còn nợ hụi là 98.660.000 đồng (chín mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi ngàn đồng) và thỏa thuận bà L1 có nghĩa vụ trả góp cho bà số tiền 4.000.000 đồng/tháng cho đến đủ số tiền nêu trên, không yêu cầu trả lãi. Sau khi chốt nợ, tính đến ngày 08/12/2016 bà L1 có trả cho bà nhiều lần với tổng số tiền 13.800.000 đồng (mười ba triệu tám trăm đồng).Tính đến nay thì bà L1 còn nợ bà số tiền gốc là 84.860.000 đồng (tám mươi bốn triệu tám trăm sáu mươi ngàn đồng).

Tại phiên tòa, bà yêu cầu bà Lê Thị L1 trả số tiền 84.860.000 đồng. Do bà L1 không trả tiền đúng như thỏa thuận nên bà yêu cầu bà L1 trả lãi phát sinh tạm tính từ ngày 16/11/2016 đến nay theo mức lãi suất 20,16%/năm với tổng số tiền lãi là 24.657.371 đồng theo phương thức trả dần chia đều trong thời hạn 06 (sáu) tháng, bắt đầu thực hiện vào ngày 24/5/2018 và phải tiếp tục trả lãi cho đến khi hoàn tất việc trả nợ, cụ thể lãi được tính như sau:

- Lãi từ ngày 16/11/2016 đến ngày 08/12/2016 là: 92.060.000 đồng x 20,16%/năm x 22 ngày = 1.134.179 đồng.

- Lãi từ ngày 09/12/2016 đến ngày 24/4/2018 là: 84.860.000 đồng x 20,16%/năm x 16,5 tháng = 23.523.192 đồng.

Ngoài ra, bà không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Lê Thị L1 có người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Minh Đ trình bày:

Bà Lê Thị L1 có tham gia nhiều dây hụi của bà Nguyễn Thị Xi L làm chủ và còn nợ bà L số tiền là 98.660.000 đồng. Số tiền này gồm tiền hụi chết do bà L1 đã hốt hụi và một số khoản tiền khác như bà L đã trình bày. Tính đến ngày 08/12/2016 bà L1 đã trả cho bà L được số tiền 16.500.000 đồng theo như các giấy nhận tiền góp mà bà L1 ký nhận cho bà L1. Thực tế bà L1 chỉ còn thiếu bà L 82.160.000 đồng (tám mươi hai triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng). Do đó,

bà L1 chỉ đồng ý trả cho bà L số tiền 82.160.000 đồng theo phương thức trả dần trong thời hạn 06 tháng.

Đối với yêu cầu tính lãi của bà L thì ông Đ có ý kiến như sau: Khi bà L và bà L1 chốt nợ với nhau thì giữa bà L và bà L1 có thỏa thuận không tính lãi đối với số tiền còn nợ, điều này đã được bà L thừa nhận tại phiên tòa. Do đó, ông đại diện bà L1 không đồng ý trả lãi cho bà L.

Ngoài ra, ông đại diện bà L1 không có kiến và yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Cảnh H trình bày:

Ông là chồng bà Nguyễn Thị Xi L và có tham gia một số dây hụi do bà L làm chủ hụi. Trong quá trình chơi hụi ông được biết bà Lê Thị L1 có tham gia 6 dây hụi do bà L làm chủ, gồm 5 dây hụi tháng và 01 dây hụi ngày như bà L trình bày. Những lần bỏ hụi bà L1 đều trực tiếp đến bỏ hụi và đã nhận đủ số tiền được hốt.

Thực tế bà L1 chỉ trả được cho vợ chồng ông số tiền 13.800.000 đồng chứ không phải 16.500.000 đồng như đại diện bà L1 trình bày. Ông có cùng yêu cầu với bà Nguyễn Thị Xi L, yêu cầu bà Lê Thị L1 trả cho bà L số tiền 84.860.000 đồng và tiền lãi phát sinh tạm tính từ ngày 16/11/2016 theo mức lãi suất 20,16%/năm theo phương thức trả 01 lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật như bà L yêu cầu.

Ngoài ra, ông không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, **đại diện Viện kiểm sát** phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Căn cứ vào toàn bộ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, các chứng cứ do đương sự giao nộp cũng như chứng cứ khác do Tòa án thu thập được thì có cơ sở xác định bà Lê Thị L1 có chơi các đầu hụi do bà Nguyễn Thị Xi L là chủ. Theo các đầu hụi bà L trình bày đồng thời phía bà L1 cũng thừa nhận có chơi hụi và thực hiện việc hốt hụi và cũng thừa nhận việc không đóng số tiền hụi chết sau khi hốt hụi. Do các bên có tranh chấp về số tiền hụi chưa đóng và có tranh chấp về tiền hụi chưa đóng và có tranh chấp về tiền lãi nên căn cứ vào Điều 17 của Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường có quy định: "*Họ có lãi là họ mà theo sự thoả thuận giữa những người tham gia họ, thành viên được lĩnh họ nhận các phần họ khi đến kỳ mở họ và phải trả lãi cho các thành viên khác. Thành viên đã lĩnh họ có nghĩa vụ tiếp tục góp các phần họ để các thành viên khác được lĩnh cho đến khi thành viên cuối cùng lĩnh họ*"

Khoản 1 Điều 18 của Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 quy định: "*Thành viên lĩnh họ trong từng kỳ mở họ là người trả lãi cao nhất, trừ trường hợp có thoả thuận khác*."

Bà L1 là thành viên chơi hụi với bà L nhưng sau khi bà L1 hốt hụi thì không thực hiện đúng việc đóng hụi chết cho bà L. Vì vậy, Điều 20 của Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 quy định: "*1.Góp phần họ.2. Trả lãi cho các thành viên khác khi được lĩnh họ. 3. Bồi thường thiệt hại cho những người tham gia họ nếu vi phạm nghĩa vụ mà gây thiệt hại*."

Như vậy, việc bà L yêu cầu bà L1 trả số tiền hụi còn nợ là có căn cứ. Tuy nhiên, căn cứ vào toàn bộ giấy giao nhận tiền mà bà L1 xuất trình thì bà L1 đã thanh toán cho bà L được số tiền là 16.500.000 đồng. Vì vậy, số tiền bà L1 còn nợ chưa trả cho bà L là 82.160.000 đồng. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L.

Đối với yêu cầu tính lãi: Bà L yêu cầu bà L1 trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất 20,16%/năm là cao hơn so với mức lãi suất theo quy định của Ngân hàng nhà nước quy định (9%/năm). Vì vậy, chấp nhận một phần yêu cầu tính lãi của bà L.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà L1 có trách nhiệm trả cho bà L số tiền 82.160.000 đồng và lãi phát sinh theo mức lãi suất 9%/năm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị Xi L khởi kiện tranh chấp giao dịch về hụi đối với bà Lê Thị L1. Bà L1 có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là tranh chấp giao dịch về hụi thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Do giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn được thực hiện vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 có hiệu lực, nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

[3] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án cũng như lời xác nhận trình bày của các đương sự tại phiên tòa thì có căn cứ xác định bà Nguyễn Thị Xi L và bà Lê Thị L1 có quan hệ giao dịch chơi hụi với nhau, trong đó bà L là chủ hụi và bà L1 là thành viên tham gia dây hụi. Đến ngày

16/10/2016 bà L và bà L1 cùng xác nhận bà L1 còn nợ hụi của bà L với số tiền là 98.660.000 đồng (chín mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn đồng).

[4] Khoản 1 Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: "*Họ, hụi, biêu, phường (sau đây gọi chung là họ) là một hình thức giao dịch về tài sản theo tập quán trên cơ sở thoả thuận của một nhóm người tập hợp nhau lại cùng định ra số người, thời gian, số tiền hoặc tài sản khác, thể thức góp, lĩnh họ và quyền, nghĩa vụ của các thành viên.*".

[5] Tại phiên tòa bà L xác nhận sau khi chốt nợ tính đến ngày 08/12/2016 bà L1 đã trả cho bà được số tiền là 13.800.000 đồng. Tuy nhiên, ông Đ là người đại diện hợp pháp của bà L1 trình bày bà L1 đã trả cho bà L với tổng số tiền là 16.500.000 đồng, ông Đ xuất trình chứng cứ là 02 (hai) tờ giấy ghi nhận tiền góp do bà L ghi, chứng cứ này được nguyên đơn bà L thừa nhận. Do đó, căn cứ vào chứng cứ bị đơn xuất trình thì Hội đồng xét xử có căn cứ xác định là Lẹ có trả góp cho bà L với tổng số tiền là 16.500.000 đồng (mười sáu triệu năm trăm ngàn đồng). Như vậy, số tiền gốc mà bà L1 còn phải trả cho bà L là: 98.660.000 đồng – 16.500.000 đồng = 82.160.000 đồng (tám mươi hai triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng).

[6] Đối với yêu cầu tính lãi trên số tiền chậm thanh toán của bà L, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà L và ông Đ đều xác nhận vào ngày 16/10/2016 khi xác nhận số tiền hụi còn nợ thì giữa bà L và bà L1 thống nhất thỏa thuận là không tính lãi đối với số tiền còn nợ. Sau khi thỏa thuận thì bà L1 có trả góp cho bà L nhiều lần đến ngày 08/12/2016. Từ ngày 09/12/2016 thì bà L1 ngưng không tiếp tục thanh toán tiền cho bà L. Do đó, bà L1 có nghĩa vụ phải trả lãi do không thực hiện nghĩa vụ dân sự tính từ ngày 09/12/2016 trên số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ tương ứng với thời gian chậm trả. Việc bà L yêu cầu tính lãi từ ngày 16/11/2016 là không có căn cứ.

[7] Điều 10 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường quy định: "*Trong trường hợp họ có lãi thì lãi suất đối với phần họ được thực hiện theo quy định tại Điều 476 của Bộ Luật Dân sự*"

[8] Khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: "*Trong trường hợp các bên có thoả thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất hoặc có tranh chấp về lãi suất thì áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ*".

[9] Theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì lãi suất cơ bản áp dụng từ ngày 01/12/2010 là 9%/năm (0,75%/tháng).

[10] Căn cứ vào các quy định nêu trên thì việc bà L yêu cầu bà L1 trả lãi với mức lãi suất 20,16%/năm là cao hơn quy định, nên Hội đồng xét xử điều

chỉnh lại lãi mức lãi suất và áp dụng mức lãi suất là 9%/năm, cụ thể tiền lãi mà bà L1 phải trả cho bà L tính từ ngày 09/12/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm 26/4/2018 như sau: 82.160.000 đồng x 9%/năm x 16 tháng 18 ngày = 10.228.920 đồng (mười triệu hai trăm hai mươi tám ngàn chín trăm hai mươi đồng).

[11] Tại phiên tòa, đại diện bà L1 đề nghị được trả số tiền còn nợ cho bà L theo phương thức trả dần, chia đều trong thời hạn 06 tháng, bà L đồng ý với phương thức trả nợ của bà L1, xét thấy đây là sự tự nguyên thỏa thuận của các đương sự, không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[12] Từ những nhận định và phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử buộc bà Lê Thị L1 có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Xi L số tiền 92.388.920 đồng (chín mươi hai triệu ba trăm tám mươi tám ngàn chín trăm hai mươi đồng) gồm tiền vốn gốc là 82.160.000 đồng (tám mươi hai triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng) và lãi phát sinh từ ngày 09/12/2016 đến ngày 26/4/2018 là 10.228.920 đồng (mười triệu hai trăm hai mươi tám ngàn chín trăm hai mươi đồng) theo phương thức trả dần, chia đều số tiền nợ trong thời hạn 06 tháng, bắt đầu thực hiện việc trả nợ vào ngày 26/5/2018.

[13] Nếu bà Lê Thị L1 chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo án tuyên thì bà L1 còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[14] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần không được chấp nhận và bị đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể,

[15] - Bà Nguyễn Thị Xi L chịu án phí dân sự sơ thẩm là (109.517.371 đồng - 92.388.920 đồng) x 5% = 856.423 đồng (tám trăm năm mươi sáu ngàn bốn trăm hai mươi ba đồng).

[16] – Bà Lê Thị L1 chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 92.388.920 đồng x 5% = 4.619.446 đồng (bốn triệu sáu trăm mười chín ngàn bốn trăm bốn mươi sáu đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 476, Điều 479 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

Căn cứ vào Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

***Tuyên xử*:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xi L.

2. Buộc bà Lê Thị L1 có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Xi L số tiền 92.388.920 đồng (chín mươi hai triệu ba trăm tám mươi tám ngàn chín trăm hai mươi đồng) gồm tiền vốn gốc là 82.160.000 đồng (tám mươi hai triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng) và lãi phát sinh từ ngày 09/12/2016 đến ngày 26/4/2018 là 10.228.920 đồng (mười triệu hai trăm hai mươi tám ngàn chín trăm hai mươi đồng), theo phương thức trả dần trong thời hạn 06 (sáu) tháng, mỗi tháng trả số tiền 15.398.153 đồng (mười lăm triệu ba trăm chín mươi tám ngàn một trăm năm mươi ba đồng) vào ngày 26 (hai mươi sáu) dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện việc trả nợ vào ngày 26/5/2018.

Nếu bà Lê Thị L1 chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo án tuyên thì bà L1 phải trả thêm lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các bên giao nhận tiền tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về án phí:

3.1. Bà Lê Thị L1 chịu 4.619.446 đồng (bốn triệu sáu trăm mười chín ngàn bốn trăm bốn mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Bà Nguyễn Thị Xi L chịu 856.423 đồng (tám trăm năm mươi sáu ngàn bốn trăm hai mươi ba đồng) án phí dân sự sô thẩm, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.672.075 đồng (hai triệu sáu trăm bảy mươi hai ngàn không trăm bảy mươi lăm đồng) mà bà L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0033188 ngày 24/04/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L được nhận lại số tiền chênh lệch 1.815.652 đồng (một triệu tám trăm mười lăm ngàn sáu trăm năm mươi hai đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND TP. HCM;
- VKSND H. BC;
- Chi cục THADS H.BC;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VT.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đỗ Thị Duy Linh